

Số: /TTr-BLĐTBXH

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

Dự thảo

TỜ TRÌNH

**Về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp
đến năm 2025, định hướng đến năm 2030**

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương xây dựng Dự thảo và Quyết định phê duyệt Đề án chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (sau đây gọi tắt là Đề án).

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trình Thủ tướng Chính phủ dự thảo Đề án với những nội dung chủ yếu sau đây:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH ĐỀ ÁN

1. Cơ sở thực tiễn

(1) Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2030 nhấn mạnh phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao là một trong ba đột phá chiến lược, đồng thời cũng chỉ rõ đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp (GDNN) theo hướng mở, linh hoạt; bảo đảm thống nhất với đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo. Tập trung đào tạo nhân lực chất lượng cao, đào tạo lại, đào tạo thường xuyên lực lượng lao động, chú trọng đội ngũ nhân lực kỹ thuật, nhân lực số, nhân lực quản trị công nghệ, nhân lực quản lý, quản trị doanh nghiệp; nhân lực quản lý xã hội và tổ chức cuộc sống, chăm sóc con người. Xây dựng các cơ chế, chính sách và giải pháp để đào tạo lại lực lượng lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp do quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đổi mới công nghệ và tác động của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; sẵn sàng nguồn nhân lực cho chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số.

(2) Đào tạo theo hướng cầu đã trở thành cách tiếp cận đào tạo có hiệu quả và đang được thực hiện rất thành công ở các quốc gia phát triển. Chương trình việc làm toàn cầu của Tổ chức lao động quốc tế (ILO) khuyến cáo các quốc gia tổ chức đào tạo nghề linh hoạt theo hướng cầu của thị trường lao động, nhằm tạo việc làm bền vững. UNESCO đã nêu rõ, phát triển kỹ năng nghề nghiệp gắn với học tập suốt đời sẽ là xu hướng GDNN trong thế kỷ XXI. Theo một nghiên cứu

về các xu hướng toàn cầu đang nổi lên trong GDNN coi kỹ năng là một loại tiền tệ quốc tế, là một nguồn lợi thế kinh tế và ngày càng “có thể giao dịch”. Do vậy, đòi hỏi khẩn trương chuyển đổi số nhằm nâng cao tính mở và linh hoạt, khả năng thích nghi và đáp ứng nhanh của hệ thống GDNN với sự thay đổi của thị trường lao động và nhu cầu phát triển kỹ năng của người lao động.

(3) Những thay đổi mang tính cách mạng về khoa học, đột phá của công nghệ số dẫn tới xu hướng phát triển và yêu cầu thay đổi mạnh mẽ về cơ cấu, mô hình kinh tế, xã hội quốc gia cũng như hệ thống quản lý của các ngành, lĩnh vực. Đặc biệt, trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19, việc chuyển đổi từ phương thức đào tạo truyền thống sang đào tạo số ngày càng trở nên bức thiết. Vì vậy, chuyển đổi số trong hoạt động GDNN sẽ tác động có tính thay đổi cốt lõi đến hoạt động GDNN về năng lực quản trị, chỉ đạo điều hành, tổ chức đào tạo, thực hành, thực tập.

(4) Giai đoạn vừa qua, lĩnh vực GDNN đã triển khai Đề án ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, hoạt động dạy và học nghề đến năm 2020 bằng các dự án thành phần, tập trung vào việc xây dựng hệ thống đào tạo trực tuyến và hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu; nâng cấp hạ tầng. Tuy nhiên, việc triển khai các nội dung của đề án còn gặp nhiều khó khăn, mới chỉ thực hiện được dự án về hạ tầng và dự án về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước, trong khi đó các cơ sở GDNN chưa trang bị cơ sở hạ tầng và nền tảng trong quản lý học tập, dạy học trực tuyến. Hệ thống cơ sở dữ liệu chưa đáp ứng yêu cầu trong dự báo và hỗ trợ ra quyết định. Khả năng số hóa và thích ứng với dạy học trực tuyến của hệ thống GDNN còn thấp, mới áp dụng công nghệ ở mức cơ bản, mức độ tự động hóa và luân chuyển thông tin số hóa chưa cao.

(5) Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, chuyển đổi số trong lĩnh vực GDNN được xem là giải pháp cốt lõi để tăng khả năng thích ứng trong thế giới việc làm đang thay đổi nhanh chóng trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0. Chuyển đổi số đã và đang được các quốc gia trên thế giới đẩy mạnh triển khai để mang lại những hiệu quả tích cực trong GDNN, điển hình như Mỹ, Anh, Úc, Đan Mạch, Estonia, các nước EU... đã và đang triển khai các chiến lược quốc gia về chuyển đổi số về GDNN, giúp đổi mới hoạt động dạy và học tại các cơ sở GDNN theo hướng giảm thuyết giảng, truyền thụ kiến thức sang phát triển năng lực của người học, tăng khả năng tự học, gắn học lý thuyết với thực hành.

2. Căn cứ pháp lý

Việc xây dựng Đề án dựa trên các căn cứ chính trị, căn cứ pháp lý sau:

- Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 7/3/2019 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ 4.

- Nghị quyết số 44/NQ-CP ngày 09/6/2014 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT, đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế.

- Chỉ thị 16/CT-TTg ngày 4/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường năng lực tiếp cận cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ 4.

- Chỉ thị 24/CT-TTg ngày 28/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nhân lực có kỹ năng nghề, góp phần nâng cao năng suất lao động và tăng năng lực cạnh tranh quốc gia trong tình hình mới.

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

- Chỉ thị 14/CT-TTg ngày 25/5/2021 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030.

- Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021.

Từ thực tiễn và căn cứ pháp lý nêu trên, việc xây dựng Đề án và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án là cấp thiết, có ý nghĩa thực tiễn cao với bối cảnh mới.

II. QUÁ TRÌNH SOẠN THẢO ĐỀ ÁN

Thực hiện phân công của Chính phủ tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã chủ động, khẩn trương phối hợp với các các bộ, ngành, địa phương, tổ chức quốc tế triển khai xây dựng Đề án. Tổ chức khảo sát thực trạng chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp; nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế; tổ chức các hội nghị lấy ý kiến góp ý của các chuyên gia trong nước, các Bộ/ngành, địa phương, các doanh nghiệp, các cơ sở GDNN, các tổ chức quốc tế về dự thảo Đề án. Tổ chức tọa đàm, xin ý kiến tham vấn của các chuyên gia thuộc tổ chức quốc tế tại Việt Nam như Tổ chức hợp tác quốc tế Đức (GIZ), Tổ chức Lao động quốc tế (ILO), Ngân hàng thế giới (WB), Đại sứ quán Úc, Đại sứ quán Anh, Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB)... về chuyển đổi số trong GDNN.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã xin ý kiến các Bộ, ngành, địa phương (Công văn số/LĐTBXH-TCGDNN ngày..... thángnăm 2021) và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, website của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để xin ý kiến rộng rãi về nội dung Đề án.

Trên cơ sở ý kiến của các chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý, các doanh nghiệp, hiệp hội, tổ chức quốc tế, các bộ, ngành, địa phương, các cơ sở giáo dục

nghề nghiệp, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã nghiêm túc nghiên cứu, tiếp thu ý kiến, hoàn thiện dự thảo Đề án.

III. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA ĐỀ ÁN

Cấu trúc của dự thảo Đề án gồm 02 phần chính:

- Phần 1: Bối cảnh và sự cần thiết chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp bao gồm các nội dung: (i) Bối cảnh chung và chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp, (ii) Căn cứ pháp lý, (iii) Thực trạng chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp, (iv) Sự cần thiết chuyển đổi số, (v) Cơ sở khoa học xây dựng Đề án; (vi) Kinh nghiệm quốc tế về chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp.

- Phần 2: Nội dung chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp bao gồm các nội dung: (i) Quan điểm chỉ đạo, (ii) Mục tiêu, (iii) Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu, (iv) Nguồn kinh phí, cơ chế tài chính, (v) Tổ chức thực hiện, (vi) Danh mục các nhiệm vụ triển khai.

1. Quan điểm chỉ đạo

(1) Chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, là giải pháp bao trùm trong quá trình đổi mới và phát triển giáo dục nghề nghiệp, là yếu tố then chốt hình thành hệ thống giáo dục nghề nghiệp mở, linh hoạt, đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của người dân và yêu cầu tăng nhanh số lượng, nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục nghề nghiệp phục vụ phát triển đất nước trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế.

(2) Đảm bảo đồng bộ, tổng thể và kết nối với quá trình chuyển đổi số trong lĩnh vực lao động – việc làm – an sinh xã hội, quá trình chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục đào tạo trong và ngoài nước và chuyển đổi số các địa phương, bộ, ngành và của quốc gia.

(3) Kiến tạo thể chế và hành lang pháp lý phải đi trước một bước, lấy người học, cán bộ quản lý, nhà giáo dục nghề nghiệp là trung tâm, phát triển cơ sở hạ tầng chuyển đổi số là nền tảng quan trọng.

(4) Đảm bảo tính hiện đại, mở, linh hoạt, bền vững, hiệu quả và an toàn; phù hợp với thực tiễn của Việt Nam và của năng lực hệ thống giáo dục nghề nghiệp trong từng giai đoạn.

(5) Huy động được toàn bộ hệ thống chính trị và toàn xã hội bao gồm cơ quan quản lý nhà nước, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, người học và doanh nghiệp tham gia quá trình chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp. Nhà nước đảm bảo ưu tiên kinh phí cho quá trình chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp nhằm triển khai triển khai các hoạt động giáo dục nghề nghiệp trên môi trường số giúp tăng cường hiệu quả công tác quản lý và mở rộng phương thức cũng như cơ hội tiếp cận giáo dục nghề nghiệp thông qua đổi mới nội dung, phương pháp dạy - học, kiểm tra, đánh giá tạo đột phá về chất lượng, tăng nhanh số lượng đào tạo góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng năng suất lao động và năng lực cạnh tranh quốc gia trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể

a) Nguồn nhân lực số

- Đến 2025 có 50% và 2030 có 70% cơ sở GDNN hình thành và đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ nòng cốt/tổ đề án giúp tham mưu lãnh đạo, tham gia xây dựng và triển khai chiến lược chuyển đổi số của đơn vị.

- Đến 2025 có 80% và năm 2030 có 100% đội ngũ lãnh đạo, quản lý, cán bộ công chức, viên chức và người lao động, giảng viên, người học của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp được đào tạo, tập huấn nâng cao nhận thức về chuyển đổi số.

- Đến năm 2025 có 60% và năm 2030 có 100% nhà giáo của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp được tập huấn, bồi dưỡng về năng lực số, kỹ năng và phương pháp sư phạm số, năng lực phát triển chương trình và xây dựng học liệu số.

- Đến năm 2025 có 60% và năm 2030 có 80% sinh viên tốt nghiệp trình độ trung cấp và cao đẳng đạt chuẩn năng lực số cơ bản, được trang bị kỹ năng và kiến thức văn hóa ứng xử khi học tập và làm việc trên môi trường số

- Đến 2025 có 50% và năm 2030 có 70% sinh viên tốt nghiệp thuộc các ngành/ nghề đào tạo, bao gồm cả CNTT của các cơ sở GDNN phục vụ trực tiếp cho nền kinh tế số.

b) Nội dung đào tạo

- Đến 2025 có 60% và năm 2030 có 80% cơ sở GDNN có chiến lược, xác định mục tiêu và tầm nhìn về những thay đổi của môi trường số và những tác động, ảnh hưởng của cuộc CMCN lần thứ 4 đến nội dung đào, tạo thực hiện việc rà soát, thay đổi, cải tiến nội dung đào tạo và đưa việc này thành một nhiệm vụ quan trọng.

- Đến 2025 có 60% và 2030 có 80% cơ sở GDNN có ứng dụng nền tảng công nghệ số giúp tăng tính mở, linh hoạt và liên thông cho các chương trình đào tạo (nền tảng Tài nguyên giáo dục mở - OER platform, nền tảng kho học liệu dùng chung).

- Đến năm 2025 có 60% và năm 2030 có 80% các ngành nghề đào tạo tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp được tích hợp kiến thức, kỹ năng liên quan đến

công nghệ số (IoT, AI, phân tích dữ liệu lớn...), phần mềm chuyên ngành, năng lực số nhất là trong các ngành nghề truyền thống,

- Đến năm 2025 có 80% và năm 2030 có 100% các cơ sở giáo dục nghề nghiệp xây dựng, triển khai, hoặc hợp tác phối hợp với các bên liên quan để thực hiện đào tạo văn hóa phổ thông qua e-learning.

- Đến năm 2025 có 80% và năm 2030 có 100% các cơ sở giáo dục nghề nghiệp kết nối với doanh nghiệp đào tạo học viên không chỉ về chuyên môn, mà còn cả các kỹ năng cần thiết cho chuyển đổi số, Cách mạng Công nghiệp lần 4.0 ngay trong chính bản thân Doanh nghiệp

- Đến năm 2025 có 80% và năm 2030 có 100% chương trình đào tạo Cấu trúc nội dung theo mô đun một cách khoa học.

c) Phương pháp dạy và học

- Năm 2025 có 60% và năm 2030 có 80% các chương trình đào tạo của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chuyển sang hình thức đào tạo trực tuyến hoặc đào tạo kết hợp (trong đó 100% môn học chung, nội dung lý thuyết được triển khai trực tuyến).

- Năm 2025 có 60% và năm 2030 có 80% cơ sở GDNN có ứng dụng CDS vào cá thể hóa việc đào tạo, sinh viên được linh hoạt lựa chọn nội dung đào tạo, tùy biến hoạt động ngoại khóa, bổ trợ kỹ năng phù hợp với sở trường, thế mạnh và quan tâm của từng người trên nền tảng số.

d) Hạ tầng, nền tảng và học liệu số

- + Năm 2025 có 60% và năm 2030 có 80% các cơ sở giáo dục nghề nghiệp được trang bị, nâng cấp Hạ tầng kỹ thuật với mạng và máy tính; Hạ tầng dữ liệu về dạy và học, hệ thống thông tin về quản lý giáo dục nghề nghiệp; Hạ tầng ứng dụng với các nền tảng số, nhiều dịch vụ, kiểm soát, chia sẻ thông tin; Học liệu số gắn với chương trình và nội dung đào tạo.

- + Năm 2025 có 60% và năm 2030 có 80% các cơ sở giáo dục nghề nghiệp sử dụng các nền tảng số dùng chung về đào tạo.

- + Đến năm 2025 hình thành kho học liệu tài nguyên số dùng chung toàn ngành, gồm: Bài giảng, sách giáo khoa điện tử, bài thực hành mô phỏng, phần mềm mô phỏng và các học liệu khác.

đ) Quản lý và quản trị

- + Năm 2025 đạt 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, được tích hợp lên Cổng Dịch vụ công quốc gia và tích hợp vào Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin điện tử của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

- + Năm 2025 đạt 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về Giáo dục nghề nghiệp được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ;

+ Năm 2025 đạt 100% cơ sở dữ liệu về giáo dục nghề nghiệp được hoàn thành và kết nối, liên thông dữ liệu trên phạm vi toàn quốc;

+ Năm 2025 hoàn thành triển khai trực liên thông, tích hợp dữ liệu (LGSP) và kết nối, liên thông dữ liệu giữa các hệ thống cơ sở dữ liệu trong ngành;

+ Năm 2025 đạt 70% và đến năm 2030 đạt 100% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý;

+ Năm 2025 hình thành bản đồ số mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp và đến 2030 liên kết bản đồ số mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp với các hệ thống chứng thực và tra cứu thông tin giáo dục nghề nghiệp.

+ Năm 2025 đạt 100% cơ sở giáo dục nghề nghiệp triển khai hệ thống thông tin quản lý nhà trường, báo cáo số liệu và liên thông dữ liệu với cơ sở dữ liệu về giáo dục nghề nghiệp.

+ Năm 2025 đạt 30% và năm 2030 đạt 50% các cơ sở giáo dục nghề nghiệp là các “trường học số”.

e) Hành lang pháp lý

+ Năm 2025 có 60% và năm 2030 có 80% cơ sở GDNN hoàn thành việc xây dựng và triển khai chương trình/đề án/chiến lược CDS dựa trên sáu hợp phần của hệ sinh thái CDS trong GDNN.

+ Xây dựng khung định chuẩn đánh giá hiệu quả hoạt động CDS cho các tổ chức, cơ sở GDNN, hoặc khung năng lực số cho cán bộ, giảng viên và người học.

+ Năm 2025 có 60% và năm 2030 có 80% các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự chủ quyết định tỷ lệ các nội dung, năng lực số trong các ngành nghề đào tạo;

+ Năm 2025 có 60% và năm 2030 có 80% có các quy định khuyến khích nâng cao năng lực số trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

+ Đến 2025, có các quy định về quản lý, hoạt động dạy và học, kiểm tra, đánh giá, công nhận, cấp chứng chỉ cho hình thức học trực tuyến hoàn toàn trong toàn hệ thống giáo dục nghề nghiệp.

+ Đến 2025 có quy định về bản quyền, sở hữu trí tuệ, an toàn thông tin cá nhân, chia sẻ, khai thác cơ sở dữ liệu và kho học liệu số.

3. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

Để đạt được các mục tiêu chiến lược, cần thực hiện đồng bộ 8 nhóm nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu. Các giải pháp của Đề án gồm:

(1) Xây dựng hoàn thiện thể chế và cơ chế chính sách phục vụ chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp

(2) Chính sửa, cập nhật nội dung đào tạo các cấp trình độ giáo dục nghề nghiệp phù hợp với yêu cầu của chuyển đổi số trong nền kinh tế và hội nhập quốc tế

(3) Thay đổi phương pháp dạy và học các cấp trình độ giáo dục nghề nghiệp

(4) Phát triển hạ tầng, nền tảng, thiết bị và học liệu số

(5) Phát triển nhà giáo số và học viên số

(6) Quản lý và quản trị số

(7) Nâng cao nhận thức về chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp

(8) Đẩy mạnh hợp tác quốc tế

4. Nguồn kinh phí, cơ chế tài chính

Kinh phí thực hiện Đề án được huy động từ ngân sách nhà nước; các nguồn huy động từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; nguồn tài chính khác theo quy định của pháp luật.

5. Tổ chức thực hiện

Dự thảo Đề án đã nêu trách nhiệm của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, các bộ, ngành khác có liên quan, các địa phương, cơ quan chủ quản của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

IV. TIẾP THU VÀ GIẢI TRÌNH CÁC Ý KIẾN GÓP Ý

Trên đây là nội dung cơ bản của Đề án chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, TCGDNN.

BỘ TRƯỞNG

Đào Ngọc Dung